TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Ba.

2. Ông Lê Văn Lài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị N, sinh năm: 1975: Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt"

2. Bị đơn: Ông Trương Văn L, sinh năm: 1968: Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Lưu Thị N - trình bày:***

Bà và ông Trương Văn L chung sống từ năm 1996, đăng ký kết hôn năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã Hảo Đước, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống, ông L nhiều lần có hành vi bạo lực với bà phải báo chính quyền địa phương giải quyết. Trong thời gian 05 năm ông L bị bệnh tai biến và không đi làm được, bà là người lao động chính chăm sóc lo lắng cho ông L và con cái nhưng ông L lại thường xuyên nghe lời người ngoài nghi kỵ, ghen tuông với bà nên cả hai rất hay xảy ra gây gổ, cãi vả. Bà và ông L đã ly thân từ tháng 3-2023 cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hiện đã không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về nuôi con chung: Ông, bà có hai con chung tên Trương Tấn Bình, sinh năm 1996 và Trương Thị Gia Hân, sinh năm 2004. Các con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn - ông Trương Văn L - trình bày:***

Ông thống nhất như bà N trình bày về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và con chung. Ông xác định vợ chồng có mâu thuẫn do bà N có quan hệ không rõ ràng với người khác, ông có ghen tuông nhiều lần nên hay xảy ra gây gổ. Trong thời gian ông bị bệnh, không làm gì tạo ra thu nhập, bà N bỏ bê không chăm sóc ông và thuê nhà trọ ở riêng từ tháng 3-2023 cho đến nay. Những lần ghen tuông, ông chỉ cầm dao, rựa phá đồ đạc trong nhà và la mắng chứ không có đánh đập bà N. Ông không đồng ý ly hôn vì nhận thấy không sai trái gì với vợ.

Về nuôi con chung: Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà N được ly hôn với ông L; Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét do không yêu cầu giải quyết; Bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Tại phiên tòa, ông L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, bà N vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung

[2.1] Bà N và ông L tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hảo Đước, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vào năm 1999. Hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Ông L thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật xuất phát từ việc ông hay ghen tuông do bà N có quan hệ không rõ ràng với người khác, vợ chồng hay xảy ra gây gổ, bất hòa và đã sống ly thân từ tháng 3-2023 cho đến nay. Bà N kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn vì ông L nhiều lần có hành vi bạo lực với bà, giữa ông bà không tìm được tiếng nói chung và không có sự tin tưởng. Ông L nhìn nhận được vấn đề mâu thuẫn, khúc mắc trong cuộc sống hôn nhân với bà N nhưng ông lại xác định mình không đối xử sai với vợ và hoàn toàn không có giải pháp nào để đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa ông, bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông L.

[2.3] Về nuôi con chung: Các con chung đều đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với nội dung Bản tường trình của ông L về việc yêu cầu bà N thanh toán số tiền liên quan tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Ông L giao nộp bản tường trình sau thời điểm phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ông cũng không làm thủ tục khởi kiện, không nộp tạm ứng án phí nên Tòa án không có căn cứ thụ lý giải quyết trong vụ án này.Tuy N, nếu có yêu cầu giải

quyết về vấn đề tài sản, ông có quyền khởi kiện trong một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 57, 81 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị N đối với ông Trương Văn L. Bà Lưu Thị N được ly hôn với ông Trương Văn L.

2. Về nuôi con chung: Ông, bà có hai con chung tên Trương Tấn Bình, sinh năm 1996 và Trương Thị Gia Hân, sinh năm 2004. Các con chung đã thành niên, có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lưu Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018344 ngày 31-3-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà Lưu Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã Hảo Đước;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Quyên